

DAY KỸ NĂNG NÓI THEO PHƯƠNG PHÁP GIAO TIẾP CHO SINH VIÊN TIẾNG PHÁP Ở GIAI ĐOẠN I

Đào Thị Thư

Khoa Pháp

Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội

SỰ CẦN THIẾT TĂNG CƯỜNG DAY NÓI CHO SINH VIÊN Ở GIAI ĐOẠN ĐẦU

I. Vai trò của khả năng nói trong giao tiếp

1. *Giao tiếp bằng lời là gì ?*

Giao tiếp nói là sự trao đổi thông tin giữa 2 người qua lời nói; nó bao gồm cả lời nói ra và cách nói lời đó ra. Nó là hội tụ của sự hiểu biết và khả năng giao tiếp bằng lời.

Trong giao tiếp bằng lời thì kỹ năng nói được coi như một phương tiện giao tiếp có hiệu quả nhanh nhất để chuyển tải đi lượng thông tin và ý đồ người nói. Dù ở thời kỳ nào thì diễn đạt bằng lời luôn là kỹ năng không thể thiếu được của loài người.

2. *Khái niệm về giai đoạn trong giáo dục đại học*

Giáo dục đại học hiện nay được chia thành 8 học kỳ kéo dài trong vòng 4 năm học.

Giai đoạn 1 được hạn chế trong 3 học kỳ đầu, còn 5 học kỳ sau là giai đoạn 2. Hiện nay chúng ta vẫn tạm coi 3 học kỳ đầu là giai đoạn 1 của giáo dục đại học, nhưng hết học kỳ 3 không có kỳ thi chuyển giai đoạn như trước nữa.

II. Tiêu chí đạt được của kỹ năng nói của sinh viên giai đoạn đầu

Theo tài liệu về tiêu chí đánh giá sinh viên trong giai đoạn đầu do nhóm cán bộ nghiên cứu của phòng nghiên cứu khoa học đưa ra năm 1997 thì sinh viên hết giai đoạn 1 cần đạt được 5 tiểu kỹ năng sau:

Biết trả lời được những câu hỏi giáo viên đặt ra: 5%

Phát âm và đọc đúng ngữ điệu : 15%

Tả được một bức tranh: 30%

Bình luận đơn giản một bức tranh: 30%

Nói về một vấn đề và tranh luận về một vấn đề: 20%

III. Phương pháp nghiên cứu đề tài

Dựa trên kết quả điều tra trong sinh viên và giáo viên của trường PTTH.

Dựa trên các tài liệu về các thủ thuật dạy nói theo phương pháp giao tiếp, các giáo trình dạy trong trường PTTH, chương trình giảng dạy ĐH, các sách về lý thuyết giảng dạy kỹ năng nói và tài liệu nghiên cứu về kiểm tra đánh giá các kỹ năng trong giao tiếp của phòng nghiên cứu khoa học của trường ĐHNN-ĐHQGHN.

Dựa trên kinh nghiệm giảng dạy của bản thân và của đồng nghiệp.

NỘI DUNG

Chương I. CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA ĐỀ TÀI

1. Cơ sở lý thuyết về giao tiếp và ngôn ngữ

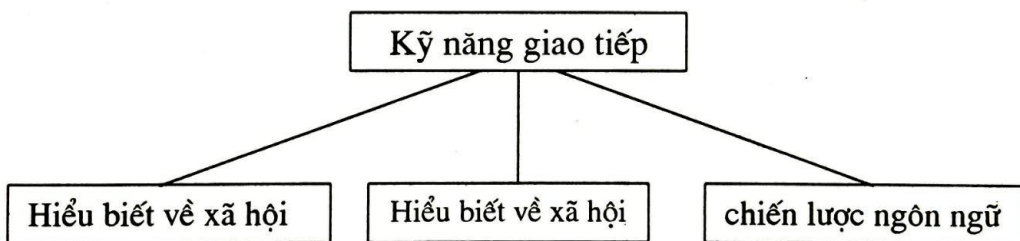
1. Kỹ năng giao tiếp là gì ?

Kỹ năng giao tiếp là khả năng nắm bắt được những quy tắc giao tiếp và những quy tắc kết hợp các yếu tố trong giao tiếp của cá nhân đó.

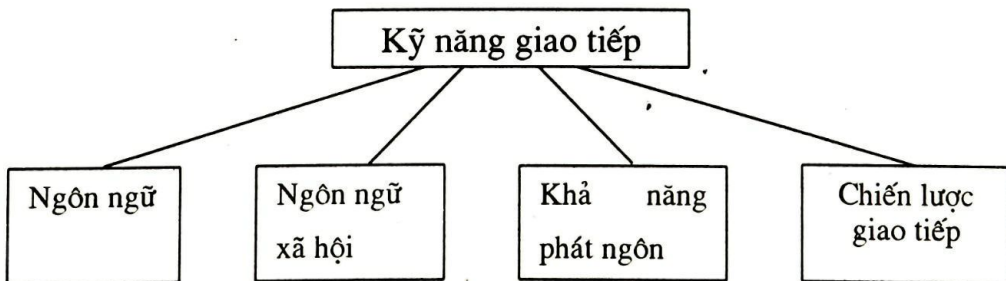
2. Các thành tố trong kỹ năng giao tiếp

Theo các nhà ngôn ngữ học thì các yếu tố này không hẳn giống nhau ở nhà ngôn ngữ này hoặc nhà ngôn ngữ khác. Nó phụ thuộc vào quan niệm của từng người về các thành tố đó.

Theo Canal et Swain thì kỹ năng giao tiếp bao gồm 3 yếu tố chính theo sơ đồ sau:

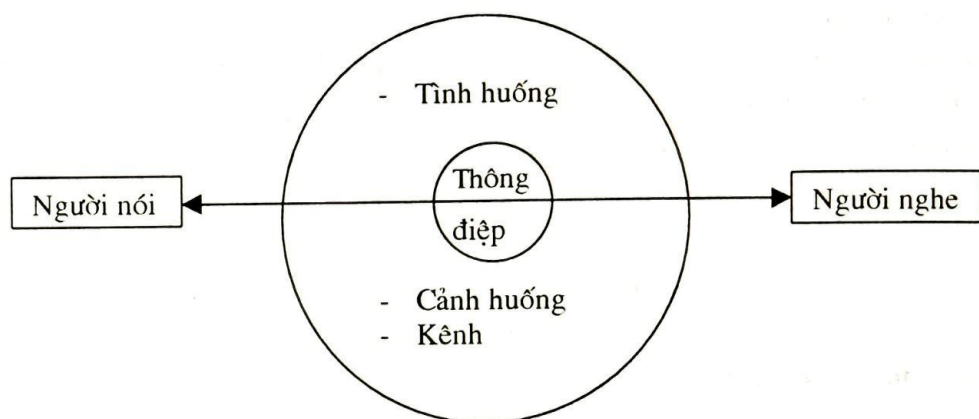


Theo Christine Tagliante thì kỹ năng giao tiếp gồm 4 thành tố:



Ngoài các yếu tố trên, kỹ năng giao tiếp còn phụ thuộc vào kỹ năng sử dụng những hư từ và những từ nối để tăng tính logic của lập luận.

Trong chiến thuật giao tiếp, chúng ta phải kể đến những tham số chính của 1 tình huống giao tiếp:



Bên cạnh đó, chúng ta không quên chú ý tới những giá trị ngữ dụng học trong lời nói là:

Giá trị hành vi (valeur locutoire)

Giá trị tại lời (valeur illocutoire)

Giá trị mượn lời (valeur perlocutoire)

Những giá trị này giúp chúng ta nhận biết được ý nghĩa của mỗi lời nói trong tình huống giao tiếp cụ thể.

Trong giao tiếp hàng ngày, 3 thành tố quan trọng của 1 tình huống giao tiếp cần có là:

- Người tham gia giao tiếp.

- Hứng thú giao tiếp.

- Nhu cầu về thông tin của người giao tiếp.

Một cuộc trao đổi diễn ra chỉ sôi nổi và kéo dài khi nó có đủ 3 yếu tố trên. Trong việc học ngoại ngữ thì yếu tố 2 và 3 cần có sự trợ giúp của giáo viên nhằm tạo tình huống gây hứng thú cho người học và kích thích họ đi tìm từ và cấu trúc cần cho họ giao tiếp.

Vì vậy trong diễn đạt bằng lời, 2 yếu tố nội dung và hình thức là không thể thiếu được trong 1 tình huống giao tiếp.

Nội dung giao tiếp gồm 4 yếu tố:

Sơ đồ cấu trúc của giao tiếp.

Cách tổ chức ý và ngôn ngữ sử dụng.

Sửa chữa lỗi trong ngôn ngữ nói.

Sự thích hợp ngôn ngữ với nền văn hoá xã hội.

Hình thức giao tiếp bao gồm thái độ nói chung của người giao tiếp như: cử chỉ, vừa cười vừa nói, giọng nói, ánh mắt, im lặng hoặc nghỉ ngơi. v.v...

Vậy muốn làm chủ được khả năng giao tiếp, chúng ta phải nắm chắc và thuần thục tất cả những tham số này.

2. Cơ sở tâm lý học lứa tuổi

Sinh viên ở giai đoạn đầu là những thanh niên mới hết tuổi thành niên, có tư tưởng hiếu thắng, muốn sĩ diện với bạn bè và luôn tỏ ra mình là người lớn, sợ sai, nhút nhát, không dám phát biểu.

Chương II. CƠ SỞ THỰC TIỄN

I. Phiếu điều tra và kết quả thu được qua sinh viên và giáo viên trung học

Qua phiếu điều tra về trình độ nói và nhu cầu giao tiếp của sinh viên, phần lớn các em đều cho là có vốn từ và ngữ pháp nhưng rất khó diễn đạt ra một cách rành mạch và trôi chảy.

1. Thực trạng của sinh viên khi mới bước vào trường

Hầu hết các em bắt đầu bước vào tuổi thành niên nên chưa ý thức được rõ nhiệm vụ của mình là phải học hết sức mình. Rất nhiều em sau 1 năm ôn thi vào Đại học cực nhọc, các em muốn xả hơi trong những năm đầu đại học nên lười học đi.

Qua 3 năm học ở trường phổ thông, các em đã có 500-600 tiết tiếng Pháp. Ngoài giờ trên lớp, các em làm bài tập ở nhà theo nhóm nên chưa cố gắng tự lực cá nhân. Kiến thức thì nhiều nhưng ít có dịp trao đổi bằng tiếng Pháp và sử dụng lại nó.

Theo số liệu điều tra thì các em sử dụng hầu hết tiếng Việt và quen dịch ra Việt để hiểu. Vì thế thời gian chuyển dịch từ tiếng Pháp sang Việt và từ Việt sang Pháp mất khá nhiều để có thể đưa ra câu đúng theo cấu trúc câu tiếng Pháp.

Phiếu điều tra cũng cho ta thấy rõ nhu cầu được nói và được bày tỏ ý kiến của cá nhân sinh viên là rất khẩn thiết.

Hơn nữa, qua phiếu điều tra trong giáo viên các trường trung học, các thầy cô đều công nhận thực tế rõ ràng là trên lớp, các thầy cô sử dụng nhiều tiếng Việt để giải thích từ hoặc cấu trúc để khỏi mất nhiều thời gian. Các thầy cô dùng tiếng Việt và như vậy đã tạo cho các em tư duy tiếng Pháp thông qua tiếng Việt trước, sau đó mới là tiếng Pháp. Các em có thể trình bày được một chủ đề nào đó qua bài viết nhưng nói thì rất khó khăn vì các em chưa được chuẩn bị kỹ cho việc nói trước công chúng.

Để gây hứng thú cho sinh viên học trong giờ nói, chúng ta nên chuẩn bị các dạng hình bài tập phong phú để thu hút các em tự nguyện bày tỏ ý kiến của mình mà không bị ức chế về tâm lý.

2. Phân loại sinh viên

Có kiến thức và nói được.

Có kiến thức nhưng không biết diễn đạt nó.

Ít kiến thức và không nói được.

I. Nét đặc thù của loại hình bài tập dạy kỹ năng nói theo phương pháp giao tiếp

1. Đảm bảo tính sáng tạo

Tính chất này dựa trên nguyên tắc của ngữ pháp chức năng: chủ đề đưa ra phải kích thích trí tưởng tượng của sinh viên.

2. Đảm bảo tính tình huống

Dạng bài tập đưa ra phải thu hút sinh viên và có khả năng huy động tới mức tối đa những kiến thức thu lượm được và kích thích tò mò muốn biết nhiều hơn.

3. Đảm bảo mối liên hệ mật thiết giữa hình thức và nội dung

Người nói và người nghe phải đặt hình thức giao tiếp phù hợp với nội dung giao tiếp.

II. Các dạng bài tập với kỹ năng nói

1. Bài tập để sử dụng lại những kiến thức vừa học được

1.1. Bài tập nhắc lại từ hoặc câu

Đây là loại bài tập được áp dụng vào thời kỳ đầu của chương trình học đại học, nhằm giúp học sinh phát âm đúng và có ngữ điệu chuẩn. Loại bài tập này có trong các phương pháp cấu trúc và phương pháp nghe nhìn để giúp người học đọc đúng và phát âm chuẩn, đồng thời phân biệt rõ các âm khác nhau và diễn đạt ý theo từng loại câu khác nhau.

1.2. Bài tập thay thế

Theo dạng bài tập này thì giáo viên ban đầu đưa ra 1 cấu trúc câu hoàn chỉnh, sau đó yêu cầu học sinh thay thế các yếu tố trong câu bằng những từ cụ thể đưa ra.

1.3. Bài tập chuyển hoá

Đây là dạng bài tập sử dụng các loại đại từ thay thế. Khi gắn nó vào giai đoạn giảng bài thì nó là loại bài tập ghi nhớ. Còn khi gắn nó vào giai đoạn khai thác bài thì nó là dạng bài tập luyện kỹ năng nói. Theo thiên hướng giao tiếp thì dạng bài tập này thường chỉ là loại bài tập cấu trúc nằm trong tình huống cụ thể.

1.4. Bài tập về quan điểm nhận biết

Loại bài tập này cho phép người học hoàn toàn tự do diễn đạt những điều họ nghe thấy và bằng phương tiện mà họ muốn như tiếng mẹ đẻ hoặc tiếng nước ngoài.

2. Điều kiện của loại hình bài tập ứng dụng.

Cần chọn loại bài tập có gắn liền với quan niệm về chức năng hoạt động của ngôn ngữ hoặc gắn với một số hình thái xuất phát từ bản năng ngôn ngữ của người nói.

3. Những bài tập tiền giao tiếp

3.1. Hội thoại có hướng dẫn cụ thể

Mỗi hành động lời nói sẽ tương ứng với từng câu cụ thể mà sinh viên cần phải đưa ra.

3.2. Đặt ra tình huống giả trong kể chuyện

Trong mỗi tình huống giả đều có gợi ý cụ thể để đặt câu cho đúng.

4. Bài tập giao tiếp

Các bài tập giao tiếp đều có mục đích là phát triển năng lực giao tiếp về mọi phương diện ngôn ngữ, văn hoá, diễn đạt và chiến lược giao tiếp, mà cái được ưu tiên hàng đầu là khả năng giao tiếp, khả năng đưa ra thông tin và truyền thông tin đó cho người khác.

4.1. Đọc thoại

Sinh viên có khả năng trình bày 1 vấn đề đã học dưới dạng đọc thoại trước lớp. Một bài đọc thoại có thể là 1 bài kể hoặc 1 bài tóm tắt ngắn gọn.

4.2. Hội thoại hoặc trao đổi về nội dung một bài viết hoặc bài nghe

4.3. Trò chơi đóng vai theo kịch bản cho sẵn

Đây là 1 dạng bài tập hấp dẫn nhất vì nó huy động toàn bộ kiến thức đã có qua năm tháng tích lũy được và cho phép người học được tự do chọn từ, cấu trúc phù hợp với tình huống.

4.4. Tự do diễn đạt

Giáo viên đưa ra 1 chủ đề để sinh viên tranh luận về vấn đề đó.

Muốn tạo ra không khí tranh luận sôi nổi thì chủ đề đưa ra phải hấp dẫn người học và tạo nhu cầu giao tiếp từ đơn giản đến phức tạp để ai cũng tham gia tranh luận mà không sợ bị sai.

Ba loại hình bài tập này dựa trên nguyên tắc dạy học từ dễ đến khó, cung cấp có hệ thống những thông tin mới cho người học gây cho họ những hứng thú mới trong học tập.

Chương IV. PHẦN ỨNG DỤNG

I. Cơ sở của những ứng dụng trong giao tiếp của sinh viên giai đoạn I

1. Tài liệu nghiên cứu về kiểm tra đánh giá các kỹ năng

Để giúp sinh viên học tốt kỹ năng nói và đáp ứng được yêu cầu đề ra cho môn học, cơ sở của những bài tập và các bước tiến hành cho từng loại bài tập dựa trên tài liệu nghiên cứu đánh giá của phòng NCKH xuất bản năm 1997, trong đó nêu rất cụ thể những tiêu chí mà sinh viên giai đoạn I phải đạt được sau 3 học kỳ đầu trong trường đại học.

Qua bảng đánh giá này, kỹ năng biết cách diễn đạt chiếm 90% trong tổng số điểm nói. Vì vậy cần thiết phải dạy cho sinh viên làm quen với các dạng bài tập kiểm tra và thi.

2. Dựa trên thực trạng của việc học tiếng Pháp của sinh viên

Sau 3 năm học phổ thông, sinh viên mới chỉ tích lũy được vốn từ và cấu trúc mà chưa biết sử dụng nó trong giao tiếp hàng ngày. Các em chưa biết hiểu tổng quát 1 bức tranh và khai thác nó theo khía cạnh văn hoá.

Hơn nữa, tâm lý của người Việt nam và người Pháp rất khác nhau nên các em không hiểu được tình huống và ý đồ của tác giả. Và điều chủ yếu là các em chưa có được thói quen diễn đạt tự nhiên trước công chúng. Các em còn nhút nhát, sợ sai, xấu hổ và nhất là trong khi thi cử, các em trực tiếp đối thoại với các thầy cô nên tâm lý lo âu, không tự tin làm các em lúng túng, “hồn bay phách lạc”. Khi bị các thầy cô chất vấn lại những thông tin không đúng thì các em mất bình tĩnh, quên hết những điều lẽ ra cần phải nói.

II. Bài tập soạn thảo

1. Bài tập về ngôn ngữ

1.1 Bài tập từ vựng

1.1.1. Bài tập định vị trong không gian

Mục đích chính của loại bài tập này là làm cho sinh viên nhớ được từ, cấu trúc câu để sử dụng lại được trong những tình huống giao tiếp cụ thể.

Ví dụ: Để sinh viên định vị những đồ vật trong gia đình, giáo viên đưa ra tình huống giao tiếp giữa chủ nhà và người dọn nhà thuê.

Khi sinh viên đã được đặt vào 1 vai cụ thể rồi, họ sẽ tìm mọi cách để đóng tốt vai của mình. Người dọn nhà thuê đặt câu hỏi để chủ nhà chỉ chỗ cho họ để đồ dùng và những trang thiết bị vào nơi họ muốn.

1.1.2. Bài tập tả người và xác minh nhân vật

Chúng tôi đưa ra 1 tình huống rất hấp dẫn sinh viên, đó là tình huống trong trò chơi thám tử: Một thám tử tìm kẻ cắp theo mô tả của nhân chứng. Qua kinh nghiệm cho thấy sinh viên rất hào hứng và lao vào tình huống giả này mà không hay biết. Ngược lại các em cảm thấy như mình đang sống trong cảnh đó và sống bằng nhân vật đó. Loại bài tập này vừa có tính chủ đề, vừa có tính gợi mở và rất gần với cuộc sống thường nhật nên sinh viên rất phấn chấn và tích cực tham gia trò chơi.

1.1.3. Trò chơi đố vui

Loại bài tập này cũng rất thú vị. Thông qua những định nghĩa của từ, sinh viên có thể học được cách định nghĩa từ và tập phát âm chuẩn những từ tiếng Pháp. Đây là việc áp dụng phương pháp dạy ngữ nghĩa trên cơ sở của 1 trò chơi đố vui. Với loại hình bài tập này, sinh viên vừa chơi, vừa học và rất nhớ từ.

1.2. Bài tập ngữ pháp

Yêu cầu của loại bài tập này là người học phải sử dụng lại được cấu trúc ngữ pháp mới học vào trong tình huống thực.

Ví dụ: Yêu cầu sinh viên sử dụng lại cấu trúc sau:

Il faut +V_infinif = Cần phải....

Impératif = Hãy...

Il suffit de + V_inf = Chỉ cần...

Giáo viên đưa ra 2 tình huống cụ thể có kèm theo các hoạt động. Từ đó sinh viên phải biết kết hợp giữa các yếu tố đã cho đưa vào cấu trúc câu.

Ví dụ: Muốn nghe băng “cassette” cần phải đưa băng vào cửa băng, hãy ấn phím Play hoặc chỉ cần ấn Play là ta có thể nghe được băng.

2. Bài tập tiền giao tiếp

Đóng vai trong tình huống giả

Bài tập dạng này rất thực dụng. Nó đòi hỏi ở người học phải thích ứng ngôn ngữ sử dụng vai mà mình đóng. Ta thường thấy các bài tập này trong phần mở đầu của bài để sinh viên có thể tưởng tượng ra những sự việc trong tình huống có thể xảy ra. Thực chất đây là loại hình bài tập chuẩn bị cho sinh viên xâm nhập vào cuộc sống thực thông qua tiếng Pháp. Loại bài tập này rất cần thiết cho sinh viên trong việc học ngoại ngữ. Nó cung cấp cho các em vốn từ, cấu trúc để các em tích lũy nhiều kiến thức xã hội, văn hoá mà các em còn thiếu.

3. Bài tập giao tiếp

Những bài tập này đều phải dựa trên tiêu chí của phương pháp giao tiếp nhằm tạo cho sinh viên làm quen với nhiều tình huống giao tiếp có thật.

Vì vậy, cần tạo cho sinh viên thói quen giao tiếp bằng cách đưa ra những tình huống cụ thể để phát huy tính sáng tạo và thực hiện nguyên tắc kết hợp hài hoà giữa hình thức và nội dung.

3.1. Bài tập về tranh, ảnh

Sở dĩ chúng tôi soạn ra những bài tập tranh và hình ảnh cho sinh viên là vì muốn cho các em làm quen với nội dung thi cử hết học kỳ. Tiểu kỹ năng tả tranh và bình luận tranh chiếm 25% số điểm thi nói, nên chúng tôi đã thu thập tranh và ảnh trong các phương pháp giảng dạy tiên tiến hoặc trong sách báo hàng ngày.

Mục đích của bài tập này là: một mặt muốn sinh viên diễn đạt thành 1 đoạn văn và phải tôn trọng sự gò bó về ý nghĩa, về từ và cấu trúc mà tranh ảnh yêu cầu, mặt khác các em cần biết cách khai thác tranh, nhìn nhận và đánh giá tranh thông qua tiếng Pháp và theo tư duy người Pháp.

3.2. Bài tập khai thác băng hình

3.2.1. Nội dung băng hình

Đó là những tư liệu phục vụ cho chủ đề mà các em đang học trên lớp.

3.2.2. Kỹ thuật khai thác băng hình

Là một loại hình bài tập mới, hiện đại và cũng mang tính cập nhật, đáp ứng nhu cầu được tận mắt xem và nghe người bản ngữ nói. Hơn nữa, hình ảnh sinh động kèm lời nói làm cho các em hiểu rõ hơn nghĩa của từ và của câu. Đây là loại hình bài tập mang tính mềm dẻo, sáng tạo. Các yếu tố văn hoá, văn minh, thói quen và cách sử dụng ngôn ngữ hàng ngày được các em chú ý theo dõi và học được rất nhiều. Kỹ thuật khai thác tranh rất phong phú. Giáo viên có thể chỉ cho xem hình ảnh mà không có lời hoặc ngược lại; hoặc cho xem một số hình ảnh ban đầu và 1 hình ảnh cuối để các em tưởng tượng ra tình huống xảy ra. Hoặc các em tưởng tượng ra tình huống trước hoặc sau hình ảnh đó.

Theo kinh nghiệm của bản thân và đồng nghiệp thì đây là loại bài tập các em ưa thích nhất. Nó phát huy tốt tính sáng tạo và khả năng xoay sở của các em trong tình huống thật.

3.3. Bài tập tranh luận hoặc nói tự do về một chủ đề hoặc một ý kiến nào đó

Đây là loại bài tập khó. Để các em làm quen được với dạng bài tập này, giáo viên cần giúp đỡ động viên, gợi ý, cung cấp tài liệu, từ và cấu trúc. Thời gian đầu cần soạn chi tiết dàn ý cùng các em để khi diễn đạt các em được tự tin hơn.

Trong lớp học ngoại ngữ có một số em có kiến thức nhiều nhưng lại ngại nói vì sợ sai. Vì vậy bài tập hội thoại theo nhóm nhỏ, sau đó là trước cả lớp giúp cho các em quen dần với cuộc sống tập thể và cố gắng để tự bảo vệ quan điểm của mình trước nhiều ý kiến khác nhau. Với các em kém hơn, giáo viên động viên, bổ sung cho các em những kiến thức còn thiếu và hướng cho các em có tác phong nhanh nhẹn, hoạt bát, sáng tạo và lập luận logic có tính thuyết phục trước công chúng để đẩy lùi tính nhút nhát, sợ sệt và mất lòng tin vào bản thân mình.

Ví dụ: Có người cho rằng: “Vô tuyến là 1 loại thuốc độc được mọi người ưa thích nhất”. Em có suy nghĩ gì về ý kiến này. Và giải thích vì sao?

Để sinh viên của chúng ta diễn đạt đúng và trôi chảy thì cả giáo viên và sinh viên đều nhận thức rõ vai trò của mình là cố gắng tới mức cao nhất để tìm ra cho sinh viên một cách học có hiệu quả nhất.

KẾT LUẬN

Trên đây là những vấn đề về lý luận và thực tiễn của việc học tiếng Pháp trong các trường đại học và xuất phát từ nhu cầu cần thiết của sinh viên muốn được nói đúng và trôi chảy hơn. Đồng thời chúng tôi cũng đã phân tích nhu cầu khẩn thiết của sinh viên để đưa ra các loại hình bài tập giúp các em học và đạt điểm tốt ngay trong những năm đầu của chương trình đại học, tạo hứng thú học tập cho các em và tạo đà vươn lên bắt kịp những tiến bộ trong phương pháp học ngoại ngữ, biết cách hiểu và làm cho người khác hiểu mình thông qua tiếng Pháp.